|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **XÃ CẨM MỸ**   |  | | --- | |  | |  | ​ |   Số:  93  /QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ​  *Cẩm Mỹ, ngày 04 tháng  3 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt  Báo cáo kinh tế kỹ thuật**  
**Công trình Đường BTXM giao thông nông thôn xã Cẩm Mỹ**

|  |
| --- |
|  |
|  | ​ |

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
  
         Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
          Căn cứ Quyết định số 800/QD –TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; Quyết định 695/QD-TTg ngày 8/6/2012 của thủ tướng chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hổ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.  
          Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 về việc Ban hành kế hoạch làm đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước và kiên cố hóa kênh mương nội đồng năm 2018.  
Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 22/03/2018 của UBND huyện về việc phân bổ chỉ tiêu và cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương nội đồng và rãnh thoát nước trên các tuyến giao thông năm 2018.  
Xét đề nghị của Ban phát triển thôn và kết quả thẩm định dự toán của Phòng Kinh tế hạ tầng công trình: Đường BTXM năm 2018 xã Cẩm Mỹ, tại văn bản số: 95 **/**BC-KTHT,  
**QUYẾT ĐỊNH**  
  
**Điều 1:** Phê duyệt dự toán đầu tư xây dựng công trình đường BTXM năm 2018 xã Cẩm Mỹ với các nội dung sau:  
          1. Tên công trình: Đường BTXM năm 2018 xã Cẩm Mỹ.  
          2. Chủ đầu tư: UBND xã Cẩm Mỹ.  
          3. Quy mô công trình:  
          - Tổng chiều dài: **1666** m**,** chi tiết:  
*(Có phụ lục kèm theo)*  
          4. Địa điểm xây dựng: Xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên  
          5. Mục tiêu:   
- Đảm bảo giao thông thuận tiện, nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của nông thôn mới, theo kỹ thuật Hướng dẫn số 523/SGTVT-KHTC ngày 25/02/2014 của Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh.  
          - Xây dựng đường trục thôn đảm bảo các chỉ số kỹ thuật:  
a. Nền đường: Bề rộng nền đường Bnền=5,0m; Bmặt=3,5m; Blề=2x0,75m; Độ dốc ngang mặt đường imặt=2%;  
b. Mặt đường: Kích thước mặt cắt ngang được thiết kế thứ tự từ trên xuống:  
- Lớp 1: Mặt đường BTXM mác M250#, đá dmax = 4cm, dày 16cm.  
- Lớp 2: Lót 1 lớp bạt xác rắn.  
- Lớp 3: Cát tạo phẳng dày 3cm.  
c. Lề đường: Gia cố bằng đất đồi dày 19cm, độ dốc ngang lề đường ilề=4%.  
- Xây dựng đường ngõ xóm, nội đồng đảm bảo các chỉ số kỹ thuật:   
a. Nền đường: Bề rộng nền đường Bnền=5,0m; Bmặt=3m; Blề=2x0,5m; Độ dốc ngang mặt đường imặt=2%;  
b. Mặt đường: Kích thước mặt cắt ngang được thiết kế thứ tự từ trên xuống:  
- Lớp 1: Mặt đường BTXM mác M200#, đá dmax = 4cm, dày 14cm.  
- Lớp 2: Lót 1 lớp bạt xác rắn.  
- Lớp 3: Cát tạo phẳng dày 3cm.  
c. Lề đường: Gia cố bằng đất đồi dày 17cm, độ dốc ngang lề đường ilề=4%

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **6. Tổng vốn đầu tư:** | **1.042.045.847** | đồng |
| - Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng: | 120.091.442 | đồng |
| - Nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ xi măng: | 65.531.351 | đồng |
| - Nguồn vốn ngân sách xã hỗ trợ xi măng: | 76.506.719 | đồng |
| - Nguồn ngân sách xã hổ trợ đá 2x4, cát: | 52.312.140 | đồng |
| - Nguồn vốn nhân dân đóng góp: | 727.608.305 | đồng |

**Điều 2.** Các ông/bà Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, các Ban ngành liên quan và thôn trưởng các đơn vị thôn căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***: - Như điều 2; - Lưu VT, GTTL. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**     **Lê Quang Nghĩa** |